

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 075./BC-BSC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

V/v báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2018

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Ủy ban giám sát tài chính quốc gia

I. Tổ chức và nhân sự công ty trong năm

1. Tổ chức công ty:

a) Mạng lưới:

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tầng 1, 10, 11 tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Chi nhánh - Chi nhánh 1: - Chi nhánh 2: -	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh
3	Phòng giao dịch: - Phòng giao dịch 1 - Phòng giao dịch 2 - Phòng giao dịch ...		
4	Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện 1 - Văn phòng đại diện....		

b) Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm: Không có

- Triển khai mở hoặc đóng các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (*Liệt kê chi tiết*);
- Thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (*Liệt kê chi tiết*);
- Thay đổi tên gọi, nghiệp vụ Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch (*Liệt kê chi tiết*);
- Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty;

2. Tình hình nhân sự công ty

a) Tình hình nhân sự quản lý:

Đối tượng	Họ và tên/Chức danh đầu kỳ	Họ và tên/Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lí do thay đổi
Thành viên HĐQT/ HĐTV/Chủ tịch công ty	Đoàn Ánh Sáng – Chủ tịch Hội đồng quản trị		14/09/2018	Miễn nhiệm
	Đỗ Huy Hoài – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đỗ Huy Hoài – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
	Lê Ngọc Lâm - Ủy viên Hội đồng quản trị	Lê Ngọc Lâm – Chủ tịch Hội đồng quản trị	13/09/2018	Miễn nhiệm ủy viên HĐQT, bổ nhiệm chủ tịch HĐQT
	Nguyễn Thiều Sơn - Ủy viên Hội đồng quản trị	Nguyễn Thiều Sơn - Ủy viên Hội đồng quản trị		
		Lê Đào Nguyên - Ủy viên Hội đồng quản trị	20/04/2018	
Thành viên Ban giám đốc	Đỗ Huy Hoài – Tổng Giám đốc	Đỗ Huy Hoài – Tổng Giám đốc		
	Lê Quang Huy – Phó Tổng Giám đốc công ty		10/05/2018	Nghỉ việc
	Ngô Thị Phong Lan - Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh	Ngô Thị Phong Lan - Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh		
Thành viên Ban kiểm soát	Phạm Thanh Thủy – Trưởng ban	Phạm Thanh Thủy – Trưởng ban		
	Hoàng Thị Hương – Thành viên	Hoàng Thị Hương – Thành viên		
	Trần Minh Hải – Thành viên	Trần Minh Hải – Thành viên		

b) Về người làm việc trong công ty:

Đối tượng	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm/tổng số người thôi làm việc cho công ty trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm/tổng số người tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm	Số CCHN của người có CCHN cuối năm
Ban Giám đốc	3/3	1/1	0/0	2/2	2
Bộ phận môi giới	19/29	5/5	1/5	15/29	15
Bộ phận tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính	9/27	3/10	1/11	7/28	7
Bộ phận Tư vấn đầu tư	40/61	1/5	7/16	46/72	46
Bộ phận khác	16/67	3/9	3/18	16/76	16
Tổng số	87/187	13/30	12/48	86/207	86

II. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán;

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn điều lệ	Tăng/ giảm
1	Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam	Số ĐKSH: 100150619	03/04/1993	88.708.218	79,94%	2.667.269
2	PYN Elite Fund (Non-Ucits)	CA5604	15/12/2011	7.908.998	7.13%	237.806

III. Vốn điều lệ và các chỉ tiêu an toàn tài chính trong năm báo cáo

1. Báo cáo cụ thể về các đợt tăng, giảm vốn điều lệ trong năm:

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, Công ty đã tăng vốn điều lệ thông qua hình thức chào bán ra công chúng. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 10.000.000 cổ phiếu.

Ngày 13 tháng 07 năm 2018, Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 3.336.209 cổ phiếu.

2. Báo cáo về tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm;

Tại ngày 01/01/2018, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của công ty là 495%.

Tại ngày 31/12/2018 tỷ lệ vốn khả dụng đã là 617%.

Tại hai thời điểm trên, công ty đều đạt mức tỷ lệ an toàn của UBCK yêu cầu (180%).

3. Báo cáo về tình hình thay đổi nắm giữ cổ phiếu quỹ trong năm: Không thay đổi

4. Các chỉ tiêu an toàn tài chính khác;

IV. Cơ sở vật chất trong năm báo cáo

Báo cáo cụ thể những thay đổi nâng cấp về cơ sở vật chất kỹ thuật trong năm bao gồm:

- Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch;
- Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng (Giá trị đầu tư):

1	Thiết bị định tuyến Router	499.400.000
2	Thiết bị máy chủ	6.575.800.000
3	Phần mềm tư vấn, quản lý tài chính cá nhân	2.894.135.495
4	Phần mềm chữ ký số tập trung	477.000.000
5	Bản quyền phần mềm FDS	280.000.000
	Tổng	10.726.335.495

- Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống (Giá trị đầu tư):
- Đầu tư kho kết cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ (Giá trị đầu tư): không có
- Các đầu tư cơ sở vật chất khác: không có

V. Hoạt động của công ty chứng khoán trong năm báo cáo

1. Hoạt động môi giới chứng khoán

1.1. Số lượng tài khoản và số dư tiền gửi

a) Số lượng tài khoản:

Loại khách hàng		Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Số lượng tài khoản có giao dịch trong năm
			Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân	100.821	7.352	106	108.067	25.613
	Tổ chức	418	18	4	432	117
Nước ngoài	Cá nhân	1.872	42	2	1.912	134
	Tổ chức	34	2	2	34	28
Tổng		103,145	7.414	114	110.445	25.892

b) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng:

đơn vị: đồng

Loại khách hàng		Dư đầu năm	Phát sinh trong năm	Dư cuối năm
Trong nước	Cá nhân	224.245.983.101	31.492.618.481	255.738.601.582
	Tổ chức	11.647.417.159	27.772.138.872	39.419.556.031
Nước ngoài	Cá nhân	893.313.895	151.170.219	1.044.484.114
	Tổ chức	45.773.955	2.264.724.384	2.310.498.339
Tổng		236,832,488,110	61.680.651.956	298.513.140.066

1.2. Ủy thác giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong năm
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

1.3. Tình hình giao dịch chứng khoán trong năm

a) Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm (triệu đ)	Tổng giá trị bán trong năm (triệu đ)
1. Cổ phiếu	2.478.856.560	2.499.386.543	48.750.552	50.660.693
Trong nước	2.436.731.825	2.415.491.691	47.058.038	47.254.731
Nước ngoài	42.124.735	83.894.852	1.692.514	3.405.962
2. Trái phiếu	375.833.782	474.589.982	43.152.796	53.098.585
Trong nước	372.333.782	456.289.982	42.736.638	50.746.310
Nước ngoài	3.500.000	18.300.000	416.158	2.352.276
3. Chứng chỉ quỹ				
Trong nước				
Nước ngoài				
4. Chứng khoán khác	720.426	719.460	67.217.442	67.110.673
Trong nước	720.426	719.460	67.217.442	67.110.673
Nước ngoài				
Tổng:	2.855.410.768	2.974.695.985	159.120.790	170.869.951

b) Môi giới chứng khoán chưa niêm yết:

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm (triệu đ)	Tổng giá trị bán trong năm (triệu đ)
1. Cổ phiếu	5.334.042	5.334.041	53.340	53.341
2. Trái phiếu	5.210	5.210.000	5.210	5.210.000
3. Chứng chỉ quỹ				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:	5.339.252	5.339.251	5.263.340	5.263.341

1.4. Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động:

TT	Phí môi giới	Đơn vị tính (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. HCM	137.365.833.671
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp. Hà Nội	27.351.604.394
3	Từ giao dịch chứng khoán khác:	28.198.453.558
	Cộng	192.915.891.623

1.5. Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới:

- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và tình hình khắc phục lỗi: 2 lỗi và đã khắc phục theo quy định.
- Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tình hình khắc phục lỗi: 3 lỗi và đã khắc phục theo quy định.

4. Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Khối lượng bảo lãnh	Giá bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ ... đến...)	Phí bảo lãnh

5. Các hoạt động tư vấn và các hoạt động khác:

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký đầu năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Phí thu được trong năm
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Tư vấn tài chính	36	24	30	42	4.152.795.454
1. Tư vấn phát hành	3	3	6	6	2.667.727.272
2. Tư vấn niêm yết	8	4	3	7	230.000.000
3. Tư vấn cổ phần hóa	6	4	0	2	363.886.364
4. Tư vấn tài chính khác	19	13	21	27	891.181.818
Tổng	36	24	30	42	4.152.795.454

VI. Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề chứng khoán	0		
II	Về tài chính			
1	Không tuân thủ hạn mức vay	0		
2	Không tuân thủ hạn chế đầu tư	0		
III	Vi phạm chế độ công bố thông tin			
1	Chậm công bố thông tin	0		
2	Không công bố thông tin	0		
IV	Vi phạm chế độ báo cáo			
1	Nộp chậm báo cáo	0		
2	Không nộp báo cáo	0		
V	Về hoạt động giám sát tuân thủ			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật	0		
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN	0		
2	Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. hội đồng thành viên. Chủ sở hữu	0		
3	Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị. Chủ tịch hội đồng thành viên. Chủ tịch công ty	0		
4	Thực hiện các Quyết định của Giám đốc/Tổng Giám đốc	0		
5	Thực hiện Hợp đồng ký kết với các đối tác	0		

11
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
TÊN

VII. Chỉ tiêu an toàn tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ (đồng)	1,109,736,440,000	(2)/(1)*100= 25,98%
2	Lãi (Lỗ) lũy kế (đồng)	288,321,438,011	
3	Tài sản cố định (đồng)	18,720,588,541	(3)/(1)*100=1,69%
4	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	5.149	(4)/(5)*100=0,01%
5	Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	110,968,495	
6	Tổng nợ (đồng)	317,044,790,845	(6)/(7)=22,01%
7	Vốn chủ sở hữu (đồng)	1,440,384,369,270	(8)/(9)=19.19%
8	Nợ ngắn hạn (đồng)	317,044,790,845	
9	Tài sản ngắn hạn (đồng)	1,651,828,824,859	
10	Tỷ lệ vốn khả dụng (%)	617%	

VIII. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT; VT

Người lập báo cáo

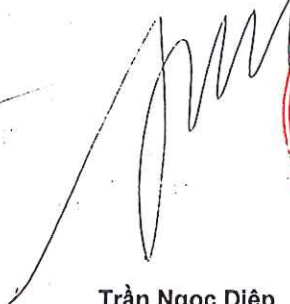
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vũ Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Ngọc Diệp

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Hoài

